

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 22/04/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực.

Ông Lý A Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B;

Ngày 22 tháng 04 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **20/2019/TLST- HNGĐ** ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04/04/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 76, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn H1** - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 76, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Đỗ Văn H1 kết hôn năm 2013, tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống lý do chủ yếu là anh H1 thường xuyên chơi cờ bạc, lơ đãng về nhà đánh vợ con, đe dọa, hành hung đến tính mạng của bản thân chị H. Đã nhiều lần vợ chồng tôi nói chuyện để giải quyết

mâu thuẫn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Nay chị H xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn mang lại đau khổ cho nhau. Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Đỗ Văn H1 có 01 con chung là cháu Đỗ Đăng Diệp Linh, sinh ngày 15/03/2014, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/01/2019, sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị H. Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã thông báo thụ lý vụ án số: 20/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Đỗ Văn H1 tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh H1 không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh H1 từ chối nhận, anh H1 không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố nơi anh H1 cư trú thì tổ trưởng tổ dân phố 10, phường T cho biết anh H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B nhưng hiện nay anh H1 đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh H1 đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B và niêm yết tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B nhưng đến thời điểm này anh H1 cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2019, tại phiên tòa anh H1 vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 22/4/2019. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đỗ Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. chị Đặng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung và Không yêu cầu tòa giải quyết về quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 02/01/2019 chị Đặng Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đối với anh Đỗ Văn H1 có địa chỉ tại số nhà 76, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B Biên. Ngày 02/01/2019 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Đỗ Văn H1 cùng trú tại số nhà 76, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh H1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh H1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Đỗ Văn H1 kết hôn năm 2013 tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh H1 đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo chị H thời gian sau này anh H1 vướng vào cờ bạc, lơ đãng dẫn đến cuộc sống của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, anh H1 thường xuyên đánh đập chị H, gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần, danh dự của nhau. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, nay chị H xin được ly hôn với anh H1. Tòa án đã thông báo cho anh H1 được biết, nhưng anh H1 từ chối nhận và anh H1 không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh H1 nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H1 vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị H khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên

chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Đỗ Văn H1.

[2.2] Xét về con chung: Chị Đặng Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đăng Diệp Linh, sinh ngày 15/03/2014. Xét thấy hiện tại chị H mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân đã được Lãnh đạo tổ dân phố 10, phường T và UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B thì anh H1 chuyên nghiên cờ bạc, lơ đãng về nhà đánh đập vợ, nhiều lúc còn có hành động khủng bố vợ con, thường xuyên vắng nhà, hiện giờ đi đâu, làm gì không ai biết, không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị H. Giao con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh H1 có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị H.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đặng thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H1.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đăng Diệp Linh, sinh ngày 15/03/2014, cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/ 0002141 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đỗ Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND P. T, TPĐBP
, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

